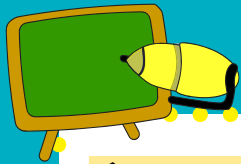




Kàn , tiānshàng yǒu hěn duō bái yún .  
看 ， 天 上 有 很 多 白 云 。



Kàn , nà duǒ bái yún kàn shàng qù xiàng yì tiáo lóng .  
看，那朵白云看上去像一条龙。



# 词汇表 Vocabulary

看	kàn	look
天上	tiānshàng	in the sky
有	yǒu	have, has
很	hěn	very
多	duō	many, much
白云	báiyún	white cloud
那	nà	that
朵	duǒ	(measure word for clouds, flowers, etc.)
看上去	kàn shàngqù	look like
像	xiàng	be like
一	yī	one
条	tiáo	(measure word for sth. long, narrow or thin)
龙	lóng	dragon
匹	pǐ	(measure word for horses, mules, etc.)
马	mǎ	horse
爆米花	bàomǐhuā	popcorn
棒棒糖	bàngbàngtáng	lollipop
只	zhī	(measure word for certain animals)
老虎	lǎohǔ	tiger
张	zhāng	piece
比萨饼	bǐsàbǐng	pizza
个	gè	(measure word)
苹果	píngguǒ	apple
我	wǒ	I, me
吗	ma	(used at the end of an interrogative sentence)
真的	zhēnde	really
你	nǐ	you
小松鼠	xiǎo sōngshǔ	squirrel